**NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KÌ II**

**Bài 21: XÂY DỰNG CNXH Ở MIỀN BẮC, ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC MĨ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN NAM (1954-1965)**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1.** Đặc điểm tình hình nước ta sau Hiệp định Giơnevơ năm1954 là

**A.** Miền Bắc hoàn toàn giải phóng, miền Nam chịu sự chiếm đóng của Mĩ – Diệm.

**B**. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng, miền Nam hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

**C**. Miền Bắc bị quân Tưởng chiếm đóng, miền Nam chịu sự chiếm đóng của Mĩ – Diệm.

**D**. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng, miền Nam thực dân Anh dọn đường cho Pháp trở lại xâm lược.

**Câu 2**. Sau năm 1954, Mĩ chống phá Hiệp định Giơnevơ bằng việc

**A**. không chịu ký và không thừa nhận hiệp định Giơnevơ.

**B**. dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm ở miền Nam Việt Nam.

**C**. bắt tay với các nước lớn trong phe xã hội chủ nghĩa.

**D**. dựng lên chính quyền bù nhìn, đưa Dương Văn Minh lên nắm quyền ở miền Nam Việt Nam.

**Câu 3.** Miền Bắc nước ta chính thức giải phóng hoàn toàn khi

**A**. bộ đội ta tiếp quản Thủ đô Hà Nội ngày 10/10/1954.

**B**. Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh ra mắt nhân dân Thủ đô ngày 01/01/1955.

**C**. toán lính Pháp cuối cùng rút khỏi đảo Cát Bà (Hải Phòng) ngày 16/5/1955.

**D**. hiệp định Giơnevơ được ký kết ngày 21/7/1954.

**Câu 4.** Các chiến thuật mới như “trực thăng vận”, “thiết xa vận” được Mĩ áp dụng trong chiến lược chiến tranh nào ở Việt Nam?

**A**. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”. **B**. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.

**C**. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. **D**. Chiến lược “Chiến tranh đơn phương”.

**Câu 5.** Hình thức đấu tranh chống chế độ Mĩ - Diệm của nhân dân miền Nam trong những ngày đầu sau Hiệp định Giơnevơ 1954, chủ yếu là gì?

**A**. Đấu tranh vũ trang. **B**. Đấu tranh chính trị, hòa bình,

**C**. Khởi nghĩa giành lại quyền làm chủ. **D**. Dùng bạo lực cách mạng.

**Câu 6**. Trong những năm 1957-1959, cách mạng miền Nam gặp muôn vàn khó khăn bởi

**A**. bộ đội chủ lực tập kết ra Bắc theo Hiệp định Giơnevơ.

**B**. Mỹ - Diệm vi phạm trắng trợn Hiệp định Giơnevơ.

**C**. ta không lường hết âm mưu của kẻ thù, quá chú trọng đấu tranh hòa bình.

**D**. Ngô Đình Diệm ban hành đạo luật đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật, ra luật 10/59...

**Câu 7.** Hội nghị nào đã quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền Mĩ – Diệm?

**A**. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 6 tháng 11/1939.

**B**. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 8 tháng 5/1941.

**C**. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 15 tháng 1/1959.

**D**. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 21 tháng 7/1973.

**Câu 8.** Nhấn mạnh “ngoài con đường bạo lực cách mạng, nhân dân miền Nam không có con đường nào khác” là nội dung của

**A**. Nghị quyết lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 1/1959.

**B**. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 3 của Đảng tháng 9/1960

C. Nghị quyết Trung ương lần thứ 21 năm 1973.

**D**. khẩu hiệu trong phong trào Đồng Khởi (1959 -1960).

**Câu 9**. Nghị quyết Trung ương 15 xác định phương hướng cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng con đường đấu tranh chính trị là chủ yếu, kết hợp với

**A**. đấu tranh ngoại giao đánh đổ chính quyền Mĩ – Diệm.

**B**. đấu tranh hòa bình đòi Mĩ – Diệm thi hành hiệp định Giơnevơ.

**C**. đấu tranh ngoại giao đòi Mĩ rút quân về nước.

**D**. đấu tranh vũ trang đánh đổ chính quyền Mĩ – Diệm.

**Câu 10.** Để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng chống chính quyền Mĩ – Diệm là quyết định của

**A**. Hội nghị Trung ương lần thứ 15.

**B**. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

**C**. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng.

**D**. Hội nghị Trung ương lần thứ 21.

**Câu 11.** Hội nghị Trung ương lần thứ 15 tháng 01/1959 đã xác định phương hướng cơ bản của cách mạng miền Nam như thế nào?

**A**. Đấu tranh đòi Mĩ – Diệm thi hành Hiệp đinh Giơnevơ.

**B**. Đấu tranh giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng.

**C**. Đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị để giành chính quyền về tay nhân dân.

**D**. Khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng đấu tranh chính trị là chủ yếu, kết hợp với đấu tranh vũ trang.

**Câu 12.** Trong những năm 1957 – 1959, cách mạng miền Nam gặp muôn vàn khó khăn và tổn thất do chính quyền Ngô Đình Diệm dùng thủ đoạn

**A**. “đả thực”, “bài phong”, “diệt cộng”. **B**. “tố cộng”, “diệt cộng”.

**C**. “Tiêu diệt cộng sản không thương tiếc”. **D**. đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật.

**Câu 13.** Kết quả lớn nhất của phong trào “Đồng khởi” là gì?

**A**. Phá vỡ từng mảng lớn bộ máy cai trị của địch ở 600 xã ở Nam Bộ, 904 thôn ở Trung Bộ, 3200 thôn ở Tây Nguyên.

**B**. Lực lượng vũ trang được hình thành và phát triển, lực lượng chính trị được tập hợp đông đảo.

**C**. Ủy ban nhân dân tự quản tịch thu ruộng đất của bọn địa chủ chia cho dân cày nghèo.

**D**. Sự ra đời của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (20 - 12 -1960).

**Câu 14.** Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 -1975) thắng lợi nào đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công?

**A**. Thắng lợi của phong trào Đồng Khởi (1959 -1960).

**B**. Thắng lợi của chiến thắng Vạn Tường (8/1965).

**C**. Thắng lợi của Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968.

**D**. Thắng lợi của cuộc tiến công chiến lược năm 1972.

**Câu 15.** Giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mỹ, làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm là ý nghĩa của

**A**. phong trào thi đua Ấp Bắc giết giặc lập công.

**B**. phong trào Đồng Khởi.

**C**. phong trào tìm Mỹ mà đánh tìm ngụy mà diệt.

**D**. phong trào phá ấp chiến lược.

**Câu 16.** Ý nào sau đây **không phải** ý nghĩa thắng lợi của phong trào Đồng Khởi?

**A**. Giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ.

**B**. Làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.

**C**. Đưa cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước sang giai đoạn mới từ tiến công chiến lược thành tổng tiến công chiến lược.

**D**. Đánh dấu bước phát triển của cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

**Câu 17**. Trong những năm 1954-1959, Mĩ – Diệm đã dùng nhiều thủ đoạn để củng cố chính quyền ở miền Nam, **ngoại trừ**

**A**. mở chiến dịch “tố cộng”, “diệt cộng”.

**B**. thực hiện “trưng cầu dân ý”, “bầu cử quốc hội”.

**C**. thi hành các điều khoản của Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương.

**D**. phế truất Bảo Đại, đưa Ngô Đình Diệm lên làm tổng thống.

**Câu 18.** Đáp ứng yêu cầu phát triển của cách mạng miền Nam trong những năm 1961 -1965, Đảng đã chủ trương thành lập cơ quan hay lực lượng nào ở miền Nam?

**A**. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

**B**. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

**C**. Trung ương Cục miền Nam, Quân giải phóng miền Nam.

**D**. Chính phủ Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

**Câu 19.** Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/196) diễn ra tại Hà Nội trong hoàn cảnh nào?

**A**. Cách mạng miền Nam gặp muôn vàn khó khăn; miền Bắc giành thắng lợi trong công cuộc khôi phục kinh tế, cải tạo quan hệ sản xuất.

**B**. Cách mạng miền Nam phát triển sau phong trào Đồng Khởi; cách mạng miền Bắc gặp nhiều khó khăn do sai lầm trong cải cách ruộng đất.

**C**. Cách mạng miền Nam phát triển sau phong trào Đồng Khởi; miền Bắc giành thắng lợi trong công cuộc khôi phục kinh tế, cải tạo quan hệ sản xuất.

**D**. Cách mạng hai miền Nam Bắc gặp nhiều khó khăn cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng.

**Câu 20.** Nhiệm vụ cơ bản nhất của cách mạng nước ta sau 1954 là gì?

**A**. Xây dựng CNXH ở miền Bắc, hỗ trợ cho cách mạng miền Nam.

**B**. Tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam chống Mĩ và tay sai.

**C**. Miền Bắc xây dựng CNXH, miền Nam tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ, tiến tới thống nhất nước nhà.

**D**. Miền Bắc xây dựng CNXH, chi viện cho miền Nam, miền Nam tiến hành cách mạng dân chủ nhân dân, bảo vệ miền Bắc, thực hiện thống nhất nước nhà.

**Câu 21.** Đại hội lần thứ III của Đảng (9/1960) khẳng định: “tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội” là nhiệm vụ của

**A**. Cách mạng miền Bắc. **B**. Cách mạng miền Nam.

**C**. Cách mạng cả nước. **D**. Thủ đô Hà Nội.

**Câu 22.** Mục đích của Mĩ trong việc thực hiện âm mưu chia cắt Việt Nam là

**A**. biến miền Nam Việt Nam thành thị trường độc chiếm của Mĩ ở Đông Nam Á.

**B**. biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mĩ ở Đông Nam Á.

**C**. phá hoại Hiệp định Giơnevơ.

**D**. phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc Việt Nam.

**Câu 23**. Đại hội lần III của Đảng (9/1960) được Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định và đánh giá là

**A**. “Đại hội xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhât nước nhà”.

**B**. “Đại hội thực hiện kê hoạch 5 năm lần thứ nhất ở miền Bác”.

**C**. “Đại hội xây dựng miền Bắc thành hậu phương lớn đối với tiền tuyên lớn ở miền Nam”.

**D**. “Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng dân tộc ở miền Nam”.

**Câu 24**. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III (9/1960) của Đảng, Đảng ta có tên gọi mới là

**A**. Đảng Cộng sản Đông Dương **B**. Đảng Lao động Việt Nam.

**C**. Đảng Cộng sản Việt Nam. **D**. Đảng Cách mạng Việt Nam.

**Câu 25.** Lực lượng chủ yếu trong chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mĩ thực hiện ở Việt Nam là

**A**. quân đội tay sai Sài Gòn.

**B**. quần đội Mĩ và quân chư hầu.

**C**. quân đội Sài Gòn, quân đội Mĩ và quân chư hầu.

**D**. biệt đội Sài Gòn.

**Câu 26.** Để hoàn thành nhiệm vụ chung của cách mạng cả nước, cách mạng miền Bắc đóng vai trò như thế nào?

**A**. Miền Bắc là hậu phương, có vai trò quyết định trực tiếp.

**B**.Miền Bắc là hậu phương, có vai trò quyết định nhất.

**C**. Miền Bắc là hậu phương, có nhiệm vụ chi viện cho cách mạng miền Nam.

**D**. Miền Bắc là hậu phương, có nhiệm vụ bảo vệ cách mạng miền Nam.

**Câu 27.** Để hoàn thành nhiệm vụ chung của cách mạng cả nước, cách mạng mỉền Nam đóng vai trò như thế nào?

**A**. Miền Nam là tiền tuyến, có vai trò bảo vệ cách mạng XHCN ở miền Bắc.

**B**. Miền Nam là tiền tuyến, có vai trò quyết định nhất.

**C**. Miền Nam là tiền tuyến, có vai trò quyết định trực tiếp nhất.

**D**. Miền Nam là tiền tuyến, làm hậu thuẫn cho cách mạng miền Bắc.

**Câu 28.** Bình định miền Nam trong 18 tháng là mục tiêu của kế hoạch nào?

**A**. Kế hoạch Xtalây - Taylo **B**. Kế hoạch Giôn xơn – Mác Namara.

**C**. Kế hoạch dồn dân lập “ấp chiến lược”. **D**. Kế hoạch tiến công vào “đất thánh Việt cộng”.

**Câu 29.** Biện pháp được Mĩ và chính quyền Sài Gòn xem như “xương sống” của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” là

**A**. tăng cường viện trợ quân sự cho Diệm.

**B**. đưa vào miền Nam nhiều cố vấn quân sự, tăng nhanh lực lượng quân đội Sài Gòn.

**C**. tiến hành dồn dân lập “ấp chiến lược”.

**D**. trang bị phương tiện chiến tranh hiện đại.

**Câu 30**. Âm mưu cơ bản của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” là

**A**. “dùng người Việt đánh người Việt”.

**B**. “dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương”.

**C**. dùng người Việt đánh người Đông Dương.

**D**. dùng người Đông Dương đánh người Việt.

**Câu 31**. Mĩ – Diệm xây dựng hệ thống “Ấp chiến lược” nhằm mục đích gì ?

**A**. Làm cho chiến tranh tàn lụi dần.

**B**.Tách dân khỏi cách mạng, nhằm cô lập lực lượng cách mạng.

**C**. Hỗ trợ chương trình “bình định” miền Nam của Mĩ – Diệm.

**D**. Kìm kẹp, kiểm soát dân, nắm chặt dân.

**Câu 32**. “Một tấc không đi, một li không rời” là quyết tâm của nhân dân miền Nam trong phong trào nào?

**A**. Phong trào Đồng Khởi.

**B**. Phong trào phá “ấp chiến lược”.

**C**. Phong trào chống “bình định, lấn chiếm”.

**D**. Phong trào chống chiến dịch “ vết dầu loang, tràn ngập lãnh thổ”.

**Câu 33.** Chống lại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ và tay sai, quân dân miền Nam nổi dậy tiến công địch bằng cả ba mũi là

**A**. chính trị, quân sự, binh vận. **B**. chính trị, kinh tế, văn hóa.

**C**. chính trị, quân sự, kinh tế. **D**. chính trị, kinh tế, binh vận.

**Câu 34.** Thủ đoạn nào sau đây được Mĩ và chính quyền tay sai sử dụng trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”?

**A**. Gây chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân.

**B**. Tiến hành những hoạt động phá hoại miền Bắc, phong tỏa biên giới, vùng biển nhằm ngăn chặn sự chi viện của hậu phương miền Bắc cho chiến trường miền Nam.

**C**. Sử dụng quân đội Mĩ, quân chư hầu và quân đội Sài Gòn mở những cuộc hành quân “tìm, diệt”.

**D**. Bắt tay với các nước lớn trong phe xã hội chủ nghĩa nhằm cô lập cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.

**Câu 35**. Chiến thắng quân sự nào làm dấy lên phong trào “Thi đua Ấp Bắc giết giặc lập công”?

**A**. Chiến thắng Vạn Tường. **B**. Chiến thắng ở ấp Bình Giã

**C**. Chiến thắng Ấp Bắc. **D**. Chiến thắng An Lão.

**Câu 36.** Thủ đoạn nào sau đây **không** được Mĩ sử dụng trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”?

**A**. Gây chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân.

**B**. Tăng cường viện trợ quân sự cho Diệm.

**C**. Tăng nhanh lực lượng quân đội Sài Gòn.

**D**. Trang bị phương tiện chiến tranh hiện đại.

**Câu 37.** Bình định miền Nam có trọng điểm trong 2 năm là mục tiêu của kế hoạch nào?

**A**. Kế hoạch Xtalây – Taylo. **B**. Kế hoạch Nava.

**C**. Kế hoạch Đờ Lát Tatsxinhi. **D**. Kế hoạch Giônxơn – Mác Namara.

**Câu 38.** “Dùng người Việt đánh người Việt” là âm mưu của Mĩ trong chiến lược chiến tranh nào?

**A**. Chiến lược “Chiến tranh đơn phương”. **B**. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.

**C**. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ”. **D**. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

**Câu 39**. Chiến thắng nào chứng minh quân dân miền Nam hoàn toàn có khả năng đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ ?

**A**. Chiến thắng Ấp Bình Giã **B**. Chiến thắng Ấp Bắc.

**C**. Chiến thắng Ba Gia. **D**. Chiến thắng Vạn Tường.

**Câu 40.** Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” ra đời trong hoàn cảnh nào?

**A**. Sau thất bại của phong trào Đồng Khởi (1959-1960).

**B**. Sau thất bại của chiến lược “Chiên tranh cục bộ”.

**C**. Sau thất bại trong cuộc hành quân vào thôn Vạn Tường.

**D**. Sau thất bại của Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.

**Câu 41.** Chiến thắng quân sự nào làm cho chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ về cơ bản bị phá sản?

**A**. Chiến thắng Ấp Bắc (2/1/1963) **B**. Chiến thắng Bình Giã (2/12/1964)

**C**. Chiến thắng Đồng Xoài (6/1965) **D**. Chiến thắng Vạn Tường (8/1965).

**Câu 42**. Thủ đoạn nào sau đây **không** được Mỹ sử dụng trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”?

**A.** Tăng cường viện trợ quân sự cho Diệm. **B.**Trang bị phương tiện chiến tranh hiện đại.

**C.** Tiến hành dồn dân lập “ấp chiến lược”. **D.** Gây chiến tranh phá hoại miền Bắc.

**Câu 43.** Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời là kết quả của

**A.** Nghị quyết Ban chấp hành Trung ương lần thứ 15.

**B.** chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954.

**C.** phong trào Đồng Khởi ở miền Nam.

**D.** chiến thắng Ấp Bắc năm 1963.

**II. PHẦN TỰ LUẬN**

**Câu 1**: Phân tích ý nghĩa của phong trào “Đồng Khởi” và sự ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam VN?

**Câu 2**: Em hãy nhận xét nhiệm vụ của cách mạng cả nước, của từng miền và mối quan hệ gắn bó của cách mạng hai miền Nam-Bắc? Ý nghĩa của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9-1960)?

**Câu 3**: Phân tích ý nghĩa của các thắng lợi trong chiến đấu chống “chiến lược chiến tranh đặc biêt”: chiến thắng Ấp bắc, chiến dịch tiến công địch ở miền Đông Nam Bộ trong đông xuân 1964-1965?

**TRẢ LỜI:**

**Câu 1:**

- Giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mỹ.

- Làm lung lay tận gốc chế độ tay sai Ngô Đình Diệm.

- Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

- 20/12/1960, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời (do Luật sư Nguyễn Hữu Thọ làm chủ tịch). Mặt trận đoàn kết toàn dân chống Mỹ - Diệm, lập chính quyền cách mạng dưới hình thức Ủy ban nhân dân tự quản.

**Câu 2:**

**+** *Miền Bắc***:**cách mạng XHCN có vai trò **quyết định nhất**.

*+ Miền Nam***:** Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân có vai trò **quyết định trực tiếp.**

**+***Cách mạng hai miền* có quan hệ mật thiết, gắn bó tác động lẫn nhau nhằm hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

***- Ý nghĩa***: Nghị quyết của Đại hội III là ánh sáng mới cho toàn Đảng, toàn dân xây dựng thắng lợi CNXH ở miền Bắc, đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

**Câu 3:**

**-** *Chiến thắng Ấp Bắc* chứng tỏ quân và dân miền Nam có khả năng đánh bại “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ.

 Sau Ấp Bắc, dấy lên phong trào “Thi đua Ấp Bắc giết giặc lập công”.

- *Đông xuân 1964-1965*: làm phá sản hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ.

 -> Đây là thất bại có tính chất chiến lược lần thứ 2 của Mĩ, buộc Mĩ phải chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, trực tiếp đưa quân Mĩ vào chiến trường miền Nam.

**Bài 22: NHÂN DÂN HAI MIỀN TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG ĐẾ QUỐC MĨ XÂM LƯỢC. NHÂN DÂN MIỀN BẮC VỪA CHIẾN ĐÂU VỪA SẢN XUẤT (1965-1973)**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1.** Ngày 8/3/1965, lực lượng lính thủy đánh bộ của Mĩ đổ bộ xuống miền Nam Việt Nam ở

**A**. bãi biển Thuận An (Huế). **B**. bãi biển Xuân Thiều (Đà Nẵng).

**C**. bãi biển Quy Nhơn (Bình Định). **D**. bãi biển Nha Trang (Khánh Hòa).

**Câu 2.** Mở những cuộc hành quân “tìm diệt” vào vùng “đất thánh Việt cộng” là thủ đoạn nằm trong chiến lược chiến tranh nào Mĩ thực hiện ở Việt Nam?

**A**. Chiến lược “Chiến tranh đơn phương”. **B**. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.

**C**. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ”. **D**. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

**Câu 3.** Thủ đoạn nào sau đây **không** được Mĩ sử dụng trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”?

**A**. Sử dụng quân đội Sài Gòn như lực lượng xung kích.

**B**. Mở rộng chiến tranh xâm lược toàn Đông Dương.

**C.** Dồn dân lập “ấp chiến lược”.

**D**. Bắt tay với các nước lớn trong phe xã hội chủ nghĩa.

**Câu 4.** Giành lại thế chủ động trên chiến trường, đẩy lực lượng vũ trang của ta trở về phòng ngự, làm cho chiến tranh tàn lụi dần... là âm mưu của Mĩ nằm trong chiến lược chiến tranh nào?

**A**. Chiến lược “Chiến tranh đơn phương”. **B**. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.

**C**. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ”. **D**. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

**Câu 5**. Âm mưu của Mĩ khi thực hiện “Chiến tranh cục bộ” là

**A**. dùng người Việt đánh người Việt

**B**. dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương.

**C**. nhanh chóng tạo ra ưu thế về binh lực, hỏa lực có thể áp đảo quân chủ lực của ta, giành thế chủ động trên chiến trường...

**D**. nhanh chóng giành thắng lợi quyết định và kết thúc chiến tranh.

**Câu 6**. Thủ đoạn nổi bật của Mĩ trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” là

**A**. tăng nhanh số lượng quân đội viễn chinh Mĩ và chư hầu.

**B**. trang bị vũ khí phương tiện chiến tranh hiện đại.

**C.** gây chiến tranh phá hoại miền Bắc, ngăn chặn chi viện cho miền Nam.

**D**. mở nhiều cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định” vào vùng “đất thánh Việt cộng”.

**Câu 7**. Chiến thắng đầu tiên của quân dân miền Nam trong chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” là

**A**. chiến thắng Ấp Bắc (Mỹ Tho). **B**. chiến thắng Núi Thành (Quảng Nam).

**C**. chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi). **D**. chiến thắng An Lão (Bình Định).

**Câu 8.** Chiến thắng nào được coi là “Ấp Bắc” đối với quân đội Mĩ, mở đầu cao trào “Tìm Mĩ mà đánh, lùng ngụy mà diệt” trên khắp miền Nam?

**A**. Chiến thắng Ấp Bắc.

**B**. Chiến thắng Vạn Tường.

**C**. Chiến thắng trong 2 mùa khô (1965 -1966 và 1966 -1967)

**D**. Chiến thắng Mậu Thân 1968.

**Câu 9.** Chiến thắng nào chứng minh quân dân miền Nam hoàn toàn có khả năng đánh bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mĩ ?

**A**. Chiến thắng Ấp Bắc **B**. Chiến thắng Đồng Xoài.

**C**. Chiến thắng Vạn Tường. **D**. Chiến thắng Xuân Mậu Thân.

**Câu 10.** Trong mùa khô thứ nhất (1965 -1966), địch mở 5 cuộc hành quân “tìm diệt” lớn nhằm vào hai hướng chiến lược chính là

**A**. Đông Nam Bộ và Tây Nguyên. **B**. Đông Nam Bộ và Liên khu V.

**C**. Đông Nam Bộ và Quảng Trị. **D**. Liên khu V và Tây Nguyên.

**Câu 11.** Đẩy lui cuộc hành quân của địch, loại khỏi vòng chiến đấu 900 tên, bắn cháy hàng chục xe tăng, xe bọc thép và hạ nhiều máy bay... là kết quả của chiến thắng

**A**. Ấp Bắc ( 2/1/1963). **B**. Núi Thành (5/1965)

**C**. Vạn Tường (18/8/1965). **D**. Ấp Bình Giã (2/12/1964).

**Câu 12.** Xuất phát từ tương quan so sánh lực lượng có lợi cho ta sau hai mùa khô, đồng thời lợi dụng mâu thuẫn ở Mĩ trong năm bầu cử tổng thống, ta chủ trương

**A**. mở chiến dịch Tây nguyên.

**B**. mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.

**C**. mở cuộc tiến công chiến lược hè 1972.

**D**. mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

**Câu 13.** Quân đội viễn chinh Mĩ và quân chư hầu trực tiếp tham chiến và giữ vai trò quan trọng trên chiến trường là lực lượng được Mĩ sử dụng trong chiến lược chiến tranh nào ở Việt Nam?

**A**. Chiến lược “Chiến tranh đơn phương”. **B**. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.

**C**. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ”. **D**. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

**Câu 14.** Thắng lợi nào đã buộc Mĩ phải tuyên bố “phi Mĩ hóa” chiến tranh,thừa nhận thất bại của “Chiến tranh cục bộ”?

**A**. Chiến thắng Vạn Tường.

**B**. Đập tan 2 cuộc phản công chiến lược trong 2 mùa khô (1965 -1966 và 1966 -1967).

**C**. Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 .

**D**. Tiến công chiến lược hè 1972.

**Câu 15.** Thất bại nào đã buộc Mĩ chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc, chấp nhận đến đàm phán ở Pari?

**A**. Thất bại trong 2 cuộc phản công chiến lược trong 2 mùa khô (1965 -1966 và 1966 -1967).

**B**. Thất bại trong Xuân Mậu Thân 1968.

**C**. Thất bại trong cuộc tiến công chiến lược hè 1972.

**D**. Thất bại trong trận Điện Biên Phủ trên không 12 ngày đêm cuối năm 1972.

**Câu 16.** Lực lượng chủ yếu tham gia trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mĩ là

**A**. quân viễn chinh Mĩ. **B**. quân đội Sài Gòn.

**C**. quân Mĩ và quân đồng minh của Mĩ. **D**. quân Mĩ và quân đội Sài Gòn.

**Câu 17.** Gây chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất Mĩ thực hiện thủ đoạn nào?

**A**. Dùng lính thủy đánh bộ mở nhiều cuộc hành quân càn quét.

**B**. Dùng lực lượng đặc công đặt bom mìn ở miền Bắc.

**C**. Dùng không quân ném bom miền Bắc.

**D**. Dùng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc.

**Câu 18.** Được tiến hành bằng lực lượng quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp về hỏa lực, không quân, hậu cần Mĩ và vẫn do Mĩ chỉ huy bằng hệ thống cố vấn là nội dung của chiến lược chiến tranh nào?

**A**. Chiến lược”Chiến tranh đơn phương”. **B**. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” .

**C**. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ”. **D**. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

**Câu 19**. Giảm xương máu người Mĩ trên chiến trường, đồng thời tăng cường lực lượng quân đội Sài Gòn nhằm tận dụng xương máu người Việt là âm mưu của Mĩ trong chiến lược chiến tranh nào?

**A**. Chiến lược”Chiến tranh đơn phương”. **B.** Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” .

**C**. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ”. **D**. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

**Câu 20.** Chiến lược chiến tranh nào Mĩ sử dụng quân đội Sài Gòn như lực lượng xung kích ở Đông Dương?

**A**. Chiến lược “Chiến tranh đơn phương”. **B**. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” .

**C**. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ”. **D**. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

**Câu 21.** Thủ đoạn bắt tay với các nước lớn trong phe xã hội chủ nghĩa nhằm cô lập cuộc kháng chiến của nhân dân ta được Mĩ thực hiện trong chiến lược chiến tranh nào?

**A.** Chiến lược”Chiến tranh đơn phương”. **B.** Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” .

**C.** Chiến lược “Chiến tranh cục bộ”. **D.** Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

**Câu 22.** Thủ đoạn nào sau đây **không** được Mỹ sử dụng trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ”?

**A.** Trang bị vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại.

**B.** Sử dụng quân đội Sài Gòn như một lực lượng xung kích ở Đông Dương.

**C.** Gây chiến tranh phá hoại miền Bắc.

**D.** Sử dụng lực lượng quân đội viễn chinh Mĩ và chư hầu nhằm nhanh chóng chiếm ưu thế.

**Câu 23.** Thủ đoạn nào sau đây **không**  Mĩ sử dụng trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh”?

**A.** Sử dụng quân đội Sài Gòn như một lực lượng xung kích ở Đông Dương.

**B**. Gây chiến tranh phá hoại miền Bắc.

**C**. Sử dụng lực lượng quân đội viễn chinh Mĩ và chư hầu nhằm nhanh chóng chiếm ưu thế.

**D**. Thỏa hiệp, hòa hoãn với các nước lớn trong phe xã hội chủ nghĩa nhằm cô lập cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

**Câu 24.** Sau Vạn Tường, khả năng đánh thắng quân Mĩ trong cuộc chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của quân dân ta tiếp tục được thể hiện trong

**A.** cuộc Tiến công chiến lược hè năm 1972. **B.** trận “Điện Biên Phủ trên không” cuối năm 1972.

**C**. hai mùa khô 1965 – 1966 và 1966 – 1967. **D.** chiến dịch Đường số 14 – Phước Long.

**Câu 25.** Vừa ra đời đã được 23 nước công nhận, trong đó 21 nước đặt quan hệ ngoại giao là thắng lợi của

**A**. nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa.

**B.** Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

**C**. Chính phủ Cách mạng Lâm thời miền Nam Việt Nam.

**D.** Mặt trận Liên Việt.

**Câu 26.** “Cuộc kháng chiến chống Mĩ có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hi sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mĩ đến thắng lợi hoàn toàn...” là đoạn trích trong nội dung của

**A.** Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

**B.** Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh để cho toàn Đảng, toàn dân.

**C.** Nghị quyết Trung ương lần thứ 15.

**D.** Thư chúc tết đồng bào cả nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

**Câu 27.** Sự kiện nào biểu thị quyết tâm của nhân dân ba nước Đông Dương đoàn kết chiến đấu chống Mĩ?

**A.** Hội nghị Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương.

**B**. Hội nghị cấp cao ba nước Việt Nam – Lào – Campuchia tháng 4/1970.

**C.** Hội nghị Pari năm 1973.

**D.** Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương tháng 7/1973.

**Câu 28.** Từ ngày 30/4 đến ngày 30/6/1970, quân đội Việt Nam phối hợp với quân dân nước nào đập tan cuộc hành quân của 10 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn?

**A.** Phối hợp với quân dân Lào. **B.** Phối hợp với Liên Xô.

**C.** Phối hợp với Trung Quốc. **D.** Phối hợp với quân dân Camphuchia.

**Câu 29.** Quảng Trị được chọn để mở màn cho cuộc tiến công nào trong kháng chiến chống Mĩ?

**A.** Cuộc phản công chiến lược trong mùa khô 1967 - 1968.

**B.** Cuộc Tổng tiến công và nội dậy Xuân Mậu Thân 1968.

**C.** Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972.

**D.** Chiến dịch Hồ Chí Minh.

**Câu 30.** Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972, ta đã chọc thủng 3 phòng tuyến quan trọng của địch là:

**A.** Quảng Trị, Quảng Nam, Tây nguyên. **B.** Quảng Nam, Tây nguyên, Đông Nam Bộ.

**C.** Quảng Trị, Bình Thuận, Tây nguyên. **D.** Quảng Trị, Tây nguyên, Đông Nam Bộ.

**Câu 31.** Chiến thắng nào buộc Mĩ phải tuyên bố “Mỹ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược (tức thừa nhận sự thất bại của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”?

**A.** Chiến thắng Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.

**B.** Chiến thắng Tiến công chiến lược năm 1972.

**C.** Chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” cuối năm 1972.

**D.** Chiến thắng chiến dịch Tây nguyên.

**Câu 32.** Mĩ mở cuộc tập kích chiến lược đường không bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố ở miền Bắc 12 ngày đêm cuối năm 1972 là nhằm thực hiện mưu đồ gì?

**A.** Phá hủy tiềm lực kinh tế, quốc phòng của miền Bắc.

**B.** Trả đũa cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 của ta.

**C.** Giành thắng lợi quân sự quyết định, buộc ta ký hiệp định có lợi cho Mỹ.

**D.** Uy hiếp tinh thần của quân dân miền Bắc.

**Câu 33.** Chiến thắng nào có ý nghĩa quyết định trực tiếp buộc Mĩ ký hiệp định Pari năm 1973?

**A.** Chiến thắng Tây Nguyên.

**B.** Chiến thắng Huế - Đà Nẵng

**C.**Chiến thắng cuộc Tiến công chiến lược năm 1972.

**D.** Chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không”.

**Câu 34**. Ý nào sau đây **không** đúng về ý nghĩa của Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968?

**A.** Làm lung lay ý chí xâm lược của Mĩ, buộc Mĩ phải tuyên bố “phi Mĩ hóa” chiến tranh.

**B.** Buộc Mĩ phải ký Hiệp định Pari năm 1973.

**C.** Buộc Mĩ chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc.

**D.** Mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước.

**Câu 35.** Nội dung nào sau đây **không** thuộc Hiệp định Pari năm 1973?

**A.** Các bên tham chiến thực hiện cuộc tập kết, chuyển quân, chuyển giao khu vực.

**B.** Hoa Kì và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền,thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

**C.** Hai bên ngừng bắn ở miền Nam vào lúc 24h ngày 27/1/1973 .

**D.** Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ thông qua tổng tuyển cử tự do, không có sự can thiệp của nước ngoài.

**Câu 36**. Cho các sự kiện sau:

1. Hội nghị bốn bên tại bàn đàm phán Pari diễn ra phiên họp đầu tiên.

2. Hiệp định Pari chính thức được ký kết và bắt đầu có hiệu lực.

3. Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương biểu thị quyết tâm của nhân dân ba nước đoàn kết chiến đầu chống Mỹ.

4. Ních Xơn chính thức tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai.

Hãy sắp xếp các sự kiện trên cho đúng với tiến trình lịch sử Việt Nam.

**A.** 1, 2,4, 3. **B.** 2,1, 3, 4. **C.** 3, 2,1, 4. **D.** 1,3, 4, 2.

**Câu 38.** Ta đập tan cuộc hành quân “Lam Sơn 719” của Mĩ và quân đội tay sai Sài Gòn (từ ngày 12 đến 23-3-1971) có sự phối hợp của quân dân nước nào?

**A.** Quân đội Việt Nam, quân dân Lào. **B.** Quân đội Việt Nam, quân dân Campuchia.

**C.** Quân đội Việt Nam, Lào, Campuchia. **D.** Quân dân Lào, Campuchia.

**Câu 39.** Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh” của Mỹ được thực hiện trong hoàn cảnh nào?

**A.** Sau thất bại của phong trào Đồng Khởi.

**B.** Sau thất bại của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.

**C.** Sau thất bại của chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.

**D.** Sau thất bại của cuộc Tiến công chiến lược năm 1972.

**Câu 40.** Chiến lược chiến tranh nào của Mĩ là sự tiếp tục thực hiện âm mưu “dùng người Việt đánh người Việt”?

**A.** Chiến lược “Chiến tranh đơn phương”. **B.** Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.

**C.** Chiến lược “Chiến tranh cục bộ”. **D.** Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

**Câu 41.** Nhận xét nào sau đây **không** đúng về Hiệp định Pari năm 1973?

**A.** Hiệp định Pari là kết quả cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất của quân dân ta ở hai miền đất nước.

**B.** Với Hiệp định Pari, Mĩ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta, rút hết quân về nước.

**C.** Với Hiệp định Pari, miền Bắc nước ta hoàn toàn giải phóng, tạo ra thơi cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam.

**D.** Với Hiệp định Pari, nhân dân miền Nam tự quyết định tương lai chính trị thông qua tổng tuyển cử tự do.

**Câu 42.** Ý nào sau đây **không** phải ý nghĩa của Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968?

**A.** Làm lung lay ý chí xâm lược của quân Mĩ.

**B.** Buộc Mĩ chấm dứt không điều điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc.

**C.** Buộc Mĩ phải tuyên bố “phi Mĩ hóa” chiến tranh.

**D.** Buộc Mĩ phải ký hiệp định Pari.

**Câu 43.** Chính phủ hợp pháp của nhân dân miền Nam ra đời ngày 6/6/1969 là

**A.** Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

**B.** Trung ương Cục miền Nam.

**C.** Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

**D.** Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

**Câu 44.** Giai đoạn nào của cuộc kháng chiến chống Mĩ ta vừa chiến đấu chống địch trên chiến trường vừa đấu tranh với địch trên bàn đàm phán?

**A.** 1961 – 1965. **B.** 1965 – 1968. **C.** 1969 – 1973. **D.** 1973 – 1975.

**Câu 45.** Với Hiệp định Pari được ký kết đã

**A.** mở bước ngoặt mới của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước.

**B.** kết thúc cuộc kháng chiến chống Mĩ của nhân dân ta.

**C.** làm thất bại âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh của Mĩ.

**D.** làm thất bại chiến lược toàn cầu của Mĩ.

**Câu 46**. Điều khoản trong Hiệp đinh nào quy định “Các bên thừa nhận ở miển Nam Việt Nam có 2 chính quyền, 2 quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chính chính trị”?

**A.** Hiệp định Sơ bộ 6/3/1946. **B.** Hiệp định Giơ ne vơ 1954.

**C.** Hiệp định Viêng chăn 1973. **D.** Hiệp định Pari năm 1973.

**Câu 47.** Hiệp định Pari về Việt Nam chính thức có hiệu lực

**A.** kể từ ngày các bên tham dự ký kết hiệp định.

**B.** kể từ khi Mĩ rút hết quân khỏi miền Nam Việt Nam.

**C.** kể từ khi miền Nam hoàn toàn giải phóng.

**D.** kể từ khi đất nước thống nhất về mặt nhà nước.

**Câu 48.** Trọng tâm cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 là

A. Sài Gòn và Đông Nam Bộ. **B.** Đông Nam Bộ.

**C.** các đô thị lớn ở miền Nam. **D.** Đông Nam Bộ và đồng bằng khu V.

**Câu 49.** Diễn ra đồng loạt ở miền Nam với trọng tâm ở các đô thị là

**A.** cuộc phản công chiến lược trong mùa khô 1967 – 1968.

**B.** cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.

**C.** cuộc Tiến công chiến lược năm 1972.

**D.** phong trào phá ấp chiến lược.

**Câu 50.** Ba phòng tuyến mạnh nhất của địch là Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ bị chọc thủng trong

**A.** cuộc phản công chiến lược trong mùa khô 1967 – 1968.

**B.** cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.

**C.** cuộc Tiến công chiến lược năm 1972.

**D.** Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

**II. PHẦN TỰ LUẬN**

**Câu 1:** Vì sao Mĩ phải thực hiện chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh? Đặc điểm chính của chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh (1969-1972)?

**Câu 2**: Nhận xét mối quan hệ, tác động qua lại, ảnh hưởng của cách mạng hai miền Nam-Bắc?

**Câu 3**: Vai trò của hậu phương miền Bắc đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)?

**TRẢ LỜI**

**Câu 1: ‘;-** Vì sau thất bại của “Chiến tranh cục bộ”, Mỹ chuyển sang chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” ở miền Nam và mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương, thực hiện “Đông Dương hóa chiến tranh”.

- *Đặc điểm*: Việt Nam hóa chiến tranh” vẫn là chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng lực lượng quân đội **Sài Gòn** là chủ yếu, có sự phối hợp về hỏa lực, không quân, hậu cần Mỹ và vẫn do hệ thống cố vấn Mỹ chỉ huy. Thực chất là tiếp tục âm mưu “dùng người Việt đánh người Việt” để giảm xương máu người Mĩ trên chiến trường Việt Nam,

**Câu 2:**

**+** *Miền Bắc***:**cách mạng XHCN có vai trò **quyết định nhất**.

*+ Miền Nam***:** Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân có vai trò **quyết định trực tiếp.**

**+***Cách mạng hai miền* có quan hệ mật thiết, gắn bó tác động lẫn nhau nhằm hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

**Câu 3:**

- Xây dựng CNXH, 2 lần trực tiếp chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ.

- Làm nghĩa vụ hậu phương lớn cho tiền tuyến lớn miền Nam

- Làm nghĩa vụ hậu phương quốc tế với Lào và Campuchia

- Làm cầu nối giữa hậu phương quốc tế với chiến trường miền Nam.

**Bài 23: KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM (1973-1975)?**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1.** “*Nhiệm vụ cơ bản của nhân dân miền Nam trong giai đoạn hiện tại là tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và nhấn mạnh trong bất cứ tình hình nào cũng phải tiếp tục con đường bạo lực, phải nắm vững chiến lược tiến công*...” là nội dung của

**A.** Nghị quyết Trung ương lần thứ 15 của Đảng.

**B.** Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ ba của Đảng.

**C.** Nghị quyết trung ương lần thứ 21 của Đảng.

**D.** kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam của Bộ chính trị.

**Câu 2.** Buôn Ma Thuật được xem là trận đánh then chốt trong chiến dịch nào?

**A.** Chiến dịch đường số 14 – Phước Long. **B.** Chiến dịch Tây Nguyên

**C.** Chiến dịch Huế - Đà Nẵng. **D.** Chiến dịch Hồ Chí Minh.

**Câu 3.** Thắng lợi trong chiến dịch nào đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước sang giai đoạn mới: từ tiến công chiến lược phát triển thành tổng tiến công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam?

**A.** Chiến dịch Đường số 14 – Phước Long. **B.** Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.

**C.** Chiến dịch Tây Nguyên. **D.** Chiến dịch Hồ Chí Minh.

**Câu 5**. Đà Nẵng chính thức hoàn toàn giải phóng vào thời gian nào?

**A.** 15h00 ngày 29/3/1975. **B.** 15h30 ngày 29/3/1975.

**C.** 15h00 ngày 30/3/1975. **D.** 15h30 ngày 30/3/1975.

**Câu 6.** Chiến thắng nào là cơ sở để Bộ Chính trị Trung ương Đảng đề ra và củng cố kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam?

**A.** Chiến thắng trận “Điện Biên Phủ trên không”.

**B.** Chiến thắng chiến dịch Tây nguyên.

**C.** Chiến thắng chiến dịch Huế - Đà Nẵng.

**D**. Chiến thắng Đường 14- Phước Long.

**Câu 7.** Trong chiến dịch Tây Nguyên, ngày 4/3 quân ta tiến công địch ở Plâyku và Kon tum

**A.** nhằm thu hút quân địch vào hướng đó, khiến bố phòng ở Buôn Ma Thuật sơ hở.

**B.** nhằm thu hút quân địch vào hướng đó để tiêu diệt.

**C.** vì có vị trí chiến lược quan trọng nhất Tây Nguyên.

**Câu 8.** Cơ sở để Bộ Chính trị Trung ương Đảng đề ra chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam là

**A.** quân Mĩ và quân Đồng minh đà rút khỏi miền Nam, ngụy mất chỗ dựa.

**B.** so sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta, nhất là sau chiến thắng Đường 14-Phước Long.

**C.** khả năng chi viện cùa miền Bắc cho tiền tuyến miền Nam.

**D.** Mĩ cắt giảm viện trợ cho chính quyền Sài Gòn.

**Câu 9.** Trong Hiệp định Pari năm 1973, quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam được ghi nhận ở điểm nào?

**A.** Hoa Kì rút hết quân đội của mình và quân các nước đồng minh, hủy bỏ các căn cứ quân sự.

**B.** Hoa Kì và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

**C.** Nhân dân miền Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ thông qua tổng tuyển cử tự do, không có sự can thiệp của nước ngoài.

**D**. Hoa Kì cam kết góp phần vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam.

**Câu 10.** Nguyên nhân nào có tính chất quyết định đưa đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước?

**A.** Nhân dân ta có truyền thống yêu nước nồng nàn.

**B.** Sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng.

**C.** Có hậu phương miền Bắc vững mạnh.

**D.** Tinh thần đoàn kết của ba nước Đông Dương, sự giúp đỡ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

**Câu 11.** “Phải tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí, kỹ thuật và vật chất giải phóng miền Nam trước mùa mưa” là quyết định của Bộ Chính trị Trung ương Đảng trước chiến dịch nào?

**A.** Chiến dịch Đường 14- Phước Long. **B.** Chiến dịch Tây Nguyên.

**C.** Chiến dịch Huế - Đà Nẵng. **D**. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

**Câu 12.** Chiến dịch mở màn cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 là

**A.** chiến dịch Đường 14 – Phước Long. B. chiến dịch Huế - Đà Nẵng.

**C.** chiến dịch Tây Nguyên. **D.** chiến dịch Hồ Chí Minh.

**Câu 13.** Nội dung nào sau đây chứng tỏ chính quyền, quân đội Sài Gòn phá hoại Hiệp định Pa-ri?

**A.** Tiến hành chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ”, mở những cuộc hành quân “bình định - lấn chiếm ” vùng giải phóng.

**B.** Nhận viện trợ kinh tế của Mĩ.

**C.** Nhận viện trợ quân sự của Mĩ.

**D.** Lập Bộ chỉ huy quân sự.

**Câu 14.** “*Thời cơ chiến lược mới đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phỏng miền Nam*”. Đó là nhận định của Đảng tại

**A.** Hội nghị lần thứ 21 của Trung ương Đảng vào tháng 7-1973.

**B.** Hội nghị Bộ Chính trị họp từ 30-9 đến 07-10-1974.

**C.** Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng họp từ 18-12-1974 đến 08-01-1975.

**D.** Nghị quyết của Bộ Chính trị ngày 25-3-1975.

**Câu 15.** Căn cứ phòng thủ trọng yếu nào của địch để bảo vệ Sài Gòn từ phía Đông, đã bị quân ta phá vỡ vào ngày 21/4/1975?

**A.** Phan Rang **B.** Xuân Lộc. **C.** Phước Long. **D.** Bình Phước.

**Câu 16**. Nghị quyết Bộ Chính trị ngày 25/3/1975 nhận định:

**A.** Thời cơ chiến lược mới đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phỏng miền Nam.

**B.** Cách mạng miền Nam không có con đường nào khác ngoài con đường bạo lực cách mạng.

**C.** Trong bất cứ tình hình nào cũng phải tiếp tục con đường bạo lực cách mạng.

**D.** Phải nắm vững chiến lược tiến công, kiên quyết đấu tranh trên cả 3 mặt trận: quân sự, chính trị, ngoại giao.

**Câu 17.** Kết thúc 21 năm chiến đấu và 30 năm chiến tranh chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc là thành quả của

**A.** cuộc kháng chiến chống Pháp, cứu nước. **B.** chiến thắng lịch sử Điện Biện Phủ năm 1954.

**C.** cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước. **D.** việc ký kết Hiệp định Pari năm 1973.

**Câu 18**. Mĩ phản ứng như thế nào sau chiến thắng Phước Long (từ 12/12/1974 – 6/1/1975)?

**A.** Phản ứng mạnh mẽ.

**B.** Phản ứng yếu ớt, chủ yếu dùng áp lực đe dọa từ xa.

**C.** Đưa quân viễn chinh trở lại miền Nam Việt Nam.

**D.** Mĩ thừa nhận thất bại trong chiến tranh xâm lược Việt Nam.

**Câu 19.** Cho các sự kiện sau:

1. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.

2. Hội nghị trung ương lần thứ 21.

3. Hiệp định Pari chính thức được ký kết và bắt đầu có hiệu lực.

4. Chiến thắng Phước Long.

Hãy sắp xếp các sự kiện trên cho đúng với tiến trình lịch sử Việt Nam.

**A.** 1, 3, 2, 4. **B.** 2, 3, 1, 4. **C.** 3, 2, 4, 1. **D.** 3, 2, 4, 1.

**Câu 20**. Cuối năm 1974 đầu năm 1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong điều kiện lịch sử nào sau đây?

**A**. Chính quyền và quân đội Sài Gòn bắt đầu khủng hoảng, suy yếu.

**B**. Cách mạng miền Nam bắt đầu chuyển sang thế tiến công.

**C**. So sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi có lợi cho cách mạng.

**D**. Chính quyền và quân đội Sài Gòn đã đầu hàng hoàn toàn.

**Câu 21**. Nội dung nào sau đây là phương châm tác chiến của quân dân Việt Nam trong chiến dịch Hồ Chí Minh (4-1975)?

**A**. “tiến ăn chắc, đánh ăn chắc”.

**B**. “thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”.

**C**. “đánh nhanh, giải quyết nhanh”.

**D**. “cơ động, linh hoạt, chắc thắng”.

**Câu 22**. Thắng lợi đó *“mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại ở thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”*.

Nhận định trên nói về thắng lợi nào của nhân dân Việt Nam?

**A**. Thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975).

**B.** Thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945

**C.** Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

**D**. Thắng lợi trong Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954.

**Câu 23.** Vì sao cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 của quân dân Việt Nam lại bắt đầu từ chiến trường Tây Nguyên?

**A**. Tây Nguyên có vị trí chiến lược, then chốt

**B**. Tây Nguyên thuận tiện cho tiếp tế, hậu cần

**C**. Lực lượng địch ở Tây Nguyên rất đông

**D**. Lực lượng của ta mạnh nhất ở Tây Nguyên

**Câu 24.** Chiến dịch nào sau đây thắng lợi đã cho thấy khả năng can thiệp trở lại bằng quân sự của Mĩ là rất hạn chế?

**A**. Đường 14 – Phước Long. **B**. Bình Giã. **C**. Hồ Chí Minh. **D**. Ấp Bắc.

**Câu 25.** Khi chiến dịch Tây Nguyên còn đang tiếp diễn, Đảng ta quyết định mở chiến dịch nào dưới đây?

**A**. Huế - Đà Nẵng. **B**. Bình Giã. **C**. Hồ Chí Minh. **D**. Đường 14 – Phước Long.

**Câu 26.** Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 của quân và dân Việt Nam trải qua các chiến dịch nào dưới đây?

**A**. Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng, Hồ Chí Minh.

**B**. Đường 14 – Phước Long, Tây Nguyên.

**C**. Huế - Đà Nẵng, Tây Nguyên, Hồ Chí Minh.

**D.** Hồ Chí Minh, Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng.

**Câu 27.** Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam quyết định chọn địa bàn nào là hướng tiến công chủ yếu trong năm 1975?

**A**. Tây Nguyên. **B**. Đông Nam Bộ. **C**. Tây Nam Bộ. **D**. Đà Nẵng.

**Câu 28.** Chiến dịch nào kết thúc đã đánh dấu sự thắng lợi hoàn toàn của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975?

**A**. Hồ Chí Minh. **B**. Huế - Đà Nẵng. **C**. Tây Nguyên. **D**. Đường 14 – Phước Long.

**Câu 29.** Nội dung nào sau đây là nguyên nhân dẫn tới thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước 1954 – 1975?

**A**. Tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.

**B**. Đế quốc Mĩ đã thất bại trong cuộc chiến tranh lạnh với Liên Xô.

**C**. Nền kinh tế Mĩ bị kiệt quệ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

**D**. Đế quốc Mĩ không nhận được sự giúp đỡ từ các nước đồng minh.

**Câu 30.** Chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam được Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đề ra và hoàn chỉnh sau khi nhận được tin thắng lợi từ chiến dịch nào?

**A**. Đường 14 – Phước Long. **B**. Huế - Đà Nẵng. **C**. Tây Nguyên. **D**. Điện Biên Phủ trên không.

**Câu 31.** Chiến dịch nào sau đây kết thúc thắng lợi đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước sang một giai đoạn mới: từ tiến công chiến lược phát triển thành tổng tiến công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam?

**A**. Tây Nguyên. **B**. Huế - Đà Nẵng.

**C**. Hồ Chí Minh. **D**. Đường 14 – Phước Long.

**Câu 32.** Chiến thắng nào của quân và dân Việt Nam thắng lợi đã hoàn thành nhiệm vụ đánh cho “Ngụy nhào”?

**A**. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

**B**. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.

C. Hiệp định Pari được kí kết năm 1973.

D. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972.

**Câu 33.** Nội dung nào sau đây **không** phải là nguyên nhân chủ quan dẫn tới thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước 1954 - 1975?

**A**. Tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.

**B**. Sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng.

**C**. Truyền thống yêu nước của nhân dân ta.

**D**. Hậu phương miền Bắc lớn mạnh đã chi viện cho miền Nam.

**Câu 34.** Đâu **không** phải là yếu tố thuận lợi cho cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước của nhân dân Việt Nam?

**A.** Phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới phát triển mạnh mẽ.

**B.** Mĩ hòa hoãn với Liên Xô, bắt tay với Trung Quốc.

**C.** Mĩ rút quân về nước theo Hiệp định Pari.

**D.** Sự ủng hộ của các lực lượng dân chủ tiến bộ trên thế giới.

**II. PHẦN TỰ LUẬN**

**Câu 1**: Đảng ta đã căn cứ vào điều kiện lịch sử nào để đề ra kế hoạch giả phóng hoàn toàn miền Nam? Nội dung kế hoạch đó là gì?

**Câu 2:** Phân tích ý nghĩa của các chiến dịch trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975?

**Câu 3**: Phân tích ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

**Câu 4**: Nhận xét, đánh giá vai trò lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

**TRẢ LỜI:**

**Câu 1:**

- Với việc ký Hiệp định Pari, Mỹ rút quân về nước, quân đội Sài Gòn mất chỗ dựa nên suy yếu nhanh chóng.

- Cuối 1974 đầu 1975, tình hình so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi mau lẹ có lợi cho cách mạng. Bộ chính trị đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong 2 năm 1975 và 1976.

- Chiến thắng Phước Long đầu 1975 và tình hình sau Phước Long càng củng cố quyết tâm giải phóng miền Nam trong 2 năm của Bộ chính trị.

- Bộ chính trị tuy đề ra 2 năm, nhưng lại nhận định cả năm 1975 là thời cơ, và chỉ rõ : “Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối 1975, thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975”. Bộ chính trị cũng nhấn mạnh cần tranh thủ thời cơ đánh nhanh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân, giữ gìn tốt cơ sở kinh tế, văn hoá, giảm bớt sự tàn phá của chiến tranh.

**Câu 2:**

- Chiến thắng Tây Nguyên đã Chuyển cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước sang giai đoạn mới: từ tiến công chiến lược ở Tây Nguyên phát triển thành tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.

- Chiến dịch Huế-Đà Nẵng thắng lợi làm đảo lộn toàn bộ hệ thống phòng ngự chiến lược của địch, tạo thời cơ lớn cho ta tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

- Chiến dịch Hồ Chí Minh thắng lợi đã tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân ta tiến công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn các tỉnh còn lại của miền Nam.

**Câu 3:**

**a. Ý nghĩa:**

- Kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mỹ và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc và chế độ phong kiến ở nước ta, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thống nhất đất nước.

 - Mở ra một kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc: đất nước độc lập, thống nhất, đi lên CNXH.

 - Tác động mạnh đến tình hình nước Mỹ và thế giới, cổ vũ phong trào cách mạng thế giới, nhất là phong trào giải phóng dân tộc.

- Cùng với chiến thắng Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa, Điện Biên Phủ, đại thắng mùa xuân 1975 đã cắm thêm một mốc vinh quang chói lọi trong quá trình đi lên của lịch sử Việt Nam. Có tầm quan trọng quốc tế, có tính thời đại sâu sắc.

**b. Nguyên nhân thắng lợi:**

- Nguyên nhân chính là do có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ, đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo, phương pháp đấu tranh linh hoạt, kết hợp đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao.

- Nhân dân ta giàu lòng yêu nước, đoàn kết nhất trí, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm vì sự nghiệp cách mạng.

- Hậu phương miền Bắc đáp ứng kịp thời các yêu cầu của cuộc chiến đấu ở hai miền.

- Sự phối hợp chiến đấu và đoàn kết giúp đỡ của ba dân tộc ở Đông Dương.

 - Sự đồng tình ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng cách mạng, hòa bình, dân chủ trên thế giới, nhất là của Liên Xô, Trung Quốc và các nước XHCN khác.

- Nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới phản đối cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của Mỹ.

**Câu 4:**

- Đảng đã đề ra đường lối tiến hành đồng thời chiến lược cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam…

 - Đảng đã có chính sách đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, kết hợp được sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, kết hợp đấu tranh trên cả ba mặt trận là quân sự- chính trị - ngoại giao tạo nên sức mạnh tổng hợp để đánh bại kẻ thù xâm lược

**Bài 24, 25, 26: VIỆT NAM TỪ NĂM 1975 ĐẾN 2000**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1**. Sau đại thắng mùa Xuân 1975, tình cảm nguyện vọng thiêng liêng của nhân dân hai miền Bắc – Nam là gì?

**A.**Thu giang sơn về một mối, thống nhất đất nước.

**B.** Sớm khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng đất nước giàu mạnh.

**C.** Sớm được sum họp trong một gia đình, mong muốn có một chính phủ thống nhất, một cơ quan đại diện quyền lực cho nhân dân cả nước.

**D.** Gia nhập vào Liên hợp Quốc, chung sống hòa bình.

**Câu 2.** Ngày 25/4/1976 được biết đến với sự kiện nào?

**A.** Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước tổ chức tại Sài Gòn.

**B.** Diễn ra cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung được tiến hành trong cả nước.

**C.** Quốc hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất họp phiên đầu tiên.

**D.** Ngày thành phố Sài Gòn – Gia Định được đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh.

**Câu 3.** Thắng lợi nào đã tạo nên những điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước, những điều kiện thuận lợi để cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội và mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới?

**A.** Thắng lợi của việc ký Hiệp định Pari năm 1973.

**B.** Thắng lợi đại thắng mùa Xuân 1975.

**C.** Thắng lợi của việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

**D.** Việc Việt Nam gia nhập Liên Hợp Quốc 9/1977.

**Câu 4**. Sau đại thắng mùa Xuân 1975, nhiệm vụ cấp thiết hàng đẩu của cả nước ta là gì?

**A.** Khắc phục hậu quả chiến tranh và phát triển kinh tế.

**B.** Ổn định tình hình chính trị - xâ hội ở miền Nam.

**C.** Thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước.

**D.** Mở rộng quan hệ giao lưu với các nước.

**Câu 5.** Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (9/1975) đã đề ra nhiệm vụ gì?

**A**. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở hai miền Bắc – Nam.

**B**. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

**C**. Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước.

**D**. Hoàn thành công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế xã hội sau chiến tranh.

**Câu 6**. Đường lối đổi mới của Đảng được đề ra lần đầu tiên tại Đại hội nào?

**A.** Đại hội IV (12/1976) **B.** Đại hội V (3/1982)

**C.** Đại hội VI (12/1986) **D.** Đại hội VII (6/1991).

**Câu 7**. Chủ trương đổi mới về kinh tế được Đảng xác định như thế nào tại Đại hội VI tháng 12/1986?

**A.** Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

**B.** Thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

**C.** Phát triển nền kinh tế theo cơ chế thị trường.

**D.** Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

**Câu 8.** Đại hội Đảng lần thứ VI (12/1986) được đánh giá là đại hội

**A.** mở đầu công cuộc đổi mới.

**B.** tiếp tục sự nghiệp đổi mới.

**C.** đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

**D.** của sự mở rộng giao lưu, hội nhập và hợp tác quốc tế.

địch tập trung ở đây lực lượng mạnh cần tiêu diệt.

**Câu 9.** Tháng 12/1986 là dấu mốc với lịch sử Việt Nam gắn với sự kiện

**A.** hoàn thành công cuộc giải phóng miền Nam.

**B.** hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

**C.** đề ra đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

**D.** thông qua và thực hiện đường lối đổi mới.

**Câu 10**. Nội dung nào sau đây là đặc điểm của tình hình Việt Nam ngay sau Đại thắng mùa Xuân 1975?

**A**. Miền Bắc đã hoàn thành khắc phục hậu quả chiến tranh.

**B**. Miền Bắc đã hoàn thành cách mạng xã hội chủ nghĩa.

**C**. Việt Nam chưa hoàn thành thống nhất về mặt lãnh thổ.

**D**. Mỗi miền vẫn tồn tại hình thức tổ chức nhà nước khác nhau.

**Câu 11**. Nội dung nào sau đây là một trong những khó khăn về kinh tế của miền Nam ngay sau Đại thắng mùa Xuân 1975?

**A**. Kinh tế nông nghiệp lạc hậu, phân tán.

**B**. Quá trình công nghiệp hóa bắt đầu được thực hiện.

**C**. Quá trình hiện đại hóa bắt đầu được thực hiện.

**D**. Số người không biết chữ chiếm tỉ lệ cao.

**Câu 12**. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (9- 1975) đã đề ra nhiệm vụ nào sau đây?

A. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

B. Tổ chức hiệp thương chính trị để thống nhất đất nước.

C. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở hai miền Bắc - Nam.

D. Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.

**Câu 13**. Thể thức Quốc kì, Quốc huy của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được chính thức thông qua tại sự kiện chính trị nào sau đây?

A. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương (9-1975).

B. Kì họp thứ nhất Quốc hội khóa VI (7-1976).

C. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung (4-1976).

D. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước (11-1975).

**Câu 14**. Trong những năm 1975-1979, quân dân các tỉnh biên giới phía Bắc Việt Nam đã thực hiện một trong những nhiệm vụ nào sau đây?

A. Giúp đỡ nhân dân Lào kháng chiến chống Mĩ.

B. Đấu tranh thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.

C. Đấu tranh để bảo vệ lãnh thổ Tổ quốc.

D. Chi viện cho miền Nam kháng chiến chống Mĩ.

**Câu 15**. Trong những năm 1975-1979, quân đội Việt Nam đã phối hợp với lực lượng cách mạng Campuchia thực hiện nhiệm vụ nào sau đây?

A. Bảo vệ biên giới phía Bắc Việt Nam.

B. Giúp đỡ nhân dân Lào kháng chiến chống Mĩ.

C. Xây dựng hành lang chiến lược Đông - Tây.

D. Xóa bỏ chế độ diệt chủng Pôn Pốt.

**Câu 16**. Nội dung nào sau đây là một trong những thành tựu Việt Nam đạt được trong mười năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội (1976-1986)?

A. Đạt được tất cả các mục tiêu của ba chương trình kinh tế.

B. Đáp ứng nhu cầu to lớn và cấp bách của cuộc kháng chiến.

C. Xây dựng được cơ sở của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.

D. Sản xuất nông nghiệp, công nghiệp có bước phát triển.

**Câu 17**. Một trong những khó khăn, hạn chế của Việt Nam sau mười năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội (1976-1986) là gì?

A. Kinh tế miền Nam lệ thuộc hoàn toàn vào viện trợ của Mĩ.

B. Đất nước vẫn chưa được thống nhất về mặt lãnh thổ.

C. Nền kinh tế mất cân đối lớn, thu nhập quốc dân thấp.

D. Chưa được các nước xã hội chủ nghĩa đặt quan hệ ngoại giao.

**Câu 18**. Lĩnh vực nào sau đây được Đảng Cộng sản Việt Nam xác định là trọng tâm của công cuộc đổi mới đất nước (từ năm 1986)?

A. Kinh tế. B. Chính trị C. Văn hóa. D. Xã hội.

**Câu 19**. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, đảm bảo quyền lực thuộc về nhân dân là chủ trương đổi mới đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam trong lĩnh vực nào sau đây?

A. Chính trị. B. Kinh tế. C. Văn hóa. D. Xã hội.

**Câu 20**. Đại hội nào dưới đây của Đảng Cộng sản đã mở đầu công cuộc đổi mới đất nước của Việt Nam?

A. Đại hội V (1982). B. Đại hội VII (1991).

C. Đại hội VI (1986). D. Đại hội VIII (1996).

**Câu 21.** Việt Nam thực hiện Đường lối đổi mới đất nước (từ tháng 12 - 1986) trong bối cảnh lịch sử nào sau đây?

A. Đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế-xã hội.

B. Chưa được các nước xã hội chủ nghĩa đặt quan hệ ngoại giao.

C. Đất nước vẫn chưa được thống nhất về mặt lãnh thổ.

D. Cả nước đang đấu tranh bảo vệ biên giới Tây Nam.

**II. PHẦN TỰ LUẬN**

**Câu 1**: Phân tích những thuận lợi và khó khăn của nước ta sau đại thắng mùa Xuân năm 1975? Ý nghĩa của kì họp đầu tiên của Quốc hội khóa VI (tháng 6,7-1976)?

**Câu 2:** Phân tích sự đúng đắn trong nội dung đường lối đổi mới của Đảng? Rút ra được bài học kinh nghiệm cho công cuộc đổi mới đất nước?

**TRẢ LỜI:**

**Câu 1:**

*a. Thuận lợi:*

- Miền Bắc đã đạt được những thành tựu to lớn và toàn diện, đã xây dựng được những cơ ban đầu của CNXH.

- Miền Nam hoàn toàn giải phóng, chế độ thực dân mới của Mĩ cùng bộ máy chính quyền sụp đổ; nền kinh tế trong chừng mực nhất định phát triển theo hướng TBCN.

*b. Khó khăn:*

- Miền Bắc bị chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của Mĩ tàn phá nặng nề.

- Miền Nam:

+ Còn tồn tại các cơ sở địa phương của chính quyền Sài Gòn và các di hại của xã hội cũ.

+ Hậu quả chiến tranh quá nặng nề: làng mạc, ruộng đồng bị tàn phá, ruộng đất bỏ hoan đông…

+ Nền kinh tế vẫn mang tính chất nông nghiệp, sản xuất nhỏ và phân tán, phát triển không viện trợ bên ngoài.

*c. Ý nghĩa:* Tạo ra những điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước, để cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, tạo ra những khả năng to lớn để bảo vệ Tổ quốc và mở rộng quan hệ quốc tế.

**Câu 2:**

- Đường lối đổi mới đề ra lần đầu tiên tại Đại hội VI (12-1986), được điều chỉnh, bổ sung và phát triển tại Đại hội VII (1991), VIII (1996), IX (2001).

- Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu của CNXH, mà làm cho những mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những quan điểm đúng đắn về CNXH, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp.

- Đổi mới phải toàn diện và đồng bộ, từ kinh tế và chính trị đến tổ chức, tư tưởng, văn hóa. Đổi mới kinh tế và chính trị gắn bó mật thiết, nhưng trọng tâm là đổi mới kinh tế.

***\* Về kinh tế:***

- Xóa bỏ cơ chế quản lí kinh tế tập trung, bao cấp, hình thành cơ chế thị trường

- Xây dựng nền kinh tế quốc dân với cơ cấu nhiều ngành, nghề, nhiều quy mô, trình độ công nghệ.

- Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng XHCN, mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại.

 ***\* Về chính trị:***

- Xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, Nhà nước của dân, do dân và vì dân.

- Xây dựng nền dân chủ XHCN, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

- Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, chính sách đối ngoại hòa bình, hữu nghị, hợp tác.